

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2022/DS-ST**
Ngày 26 - 8 - 2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Trung Kiên

Ông Nguyễn Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Xóm P (nay là xóm P), xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà L có mặt, bà T vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên bà cho bà Nguyễn Thị T vay các khoản tiền cụ thể như sau: Ngày 10/10/2010 vay 16.170.000đ; Ngày 29/6/2009

vay 6.000.000đ; Ngày 02/8/2009 vay 5.000.000đ; Ngày 29/10/2009 vay 12.000.000đ; Ngày 10/12/2010 vay 3.000.000đ; ngày 20/12/2010, vay 2.000.000đ; Ngày 02/12/2010, bà T vay 1.500.000đ. Ngoài ra đầu năm 2009, bà T còn vay 6.300.000đ. Tổng cộng bà T vay bà số tiền là 52.170.000đ. Quá trình trả nợ, bà T đã trả cho bà 12 triệu đồng. Hiện tại bà T còn nợ 40.170.000 đồng. Ngày 29/06/2012, bà và bà T đã viết giấy biên nhận vay tiền tổng số các khoản vay nêu trên, có đầy đủ chữ ký của bà T. Từ đó đến nay bà đã rất nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không trả.

Việc trong giấy biên nhận vay nợ ngày 29/06/2012 ghi là “*vay của chú Đoàn Văn Khoản là 36 triệu đồng*” là do bà đứng ra mượn của ông Khoản cho bà T vay. Vì bà T nhiều lần không trả nên bà có mời ông Khoản cùng bà đến nhà bà T nên bà mới ghi như vậy. Nay bà đã dùng tiền của mình để trả cho ông Khoản số tiền 36.000.000đ nên bà xác nhận ông Khoản không liên quan đến vụ án này.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền còn lại là 40.170.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp, kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về việc bà L khởi kiện bà của Tòa án. Vì lý do công việc, bà đi làm ăn xa nên bà không đến Tòa án đến làm việc. Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà thừa nhận khoảng những năm 2008 -2009, bà có vay bà L một số tiền, bà vay thành nhiều lần. Tổng các lần vay khoảng 11 triệu. Bà cũng đã trả nợ thành nhiều lần bằng tiền (vì thời gian đã lâu, bà không nhớ chính xác số tiền đã đưa cho bà L), 01 xe thóc khoảng 04 tạ thóc, chim bồ câu cho bà L. Bà khẳng định là số tiền và số thóc bà trả cho bà L là đủ số tiền gốc bà đã vay bà L. Vì có mối quan hệ họ hàng nên mỗi lần bà trả tiền cho bà L đều không có giấy biên nhận. Trước đây, bà cũng nói với bà L là tiền gốc đã trả hết, bà sẽ trả thêm vài triệu tiền lãi cho bà L nhưng bà L không đồng ý. Bà khẳng định, bà không ký vào các giấy biên nhận mà bà L cung cấp cho Tòa án. Trong trường hợp thoả thuận được với bà L, bà đồng ý trả thêm cho bà L là 5 triệu đồng tiền lãi. Nếu bà L không đồng ý thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà L vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền 40.170.000 đồng là tiền gốc và lãi suất 10%/năm. Bà L tự nguyện tính tiền lãi từ tháng 7 năm 2012 đến ngày xét xử là 121 tháng 15 ngày tiền lãi; Yêu cầu bà T phải trả chi phí giám định.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã nghiêm chỉnh chấp hành quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa tiếp tục mở phiên tòa xét xử khi bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 357; 463; 466; 468 BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 40.170.000 triệu đồng và tiền lãi là 10%/ năm tính từ tháng 7 năm 2012 đến nay.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật.

Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; Bị đơn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục mở phiên tòa xét xử khi bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét giấy biên nhận ngày 29/06/2012.

Tại bản tự khai, bà L trình bày xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên bà L nhiều lần cho bà Tươi vay tiền. Tổng số tiền là 52.170.000đ. Bà T đã trả được 12 triệu đồng, còn nợ bà L số tiền 40.170.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai, bà T thừa nhận khoảng thời gian năm 2008 - 2009 bà có vay tiền bà L nhiều lần, tổng số tiền vay khoảng 11 triệu đồng. Lãi suất cho vay là 4000 đồng/01 triệu/01 tháng. Tuy nhiên, bà T trình bày đã trả cho bà L thành nhiều lần (có lần trả tiền mặt hoặc 04 tạ thóc, chim bồ câu cho bà L) nhưng đều không cho giấy biên nhận trả tiền. Vì thời gian quá lâu nên bà T không nhớ chính xác số tiền đã trả cho bà L. Bà T khẳng định đã trả đủ tiền gốc cho bà L và cam kết sẽ xuất trình chứng cứ chứng minh cho việc đã trả nợ nhưng quá thời hạn cam kết bà T vẫn không xuất trình.

Đối với các giấy biên nhận mà bà L cung cấp cho Toà án làm căn cứ khởi kiện, bà T cam đoan không ký vào các giấy tờ nêu trên. Bà T chỉ nhớ trước đây vay tiền bà L, có lần thì ký giấy biên nhận, có lần thì không ký. Bà T khẳng định, việc vay mượn này là giữa bà với bà L, không liên quan đến chồng bà. Trong trường hợp thoả thuận được với bà L thì bà đồng ý trả thêm cho bà L 5 triệu tiền lãi. Nếu bà L không đồng ý thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với việc bà Nguyễn Thị T cam đoan không ký vào các giấy biên nhận vay tiền mà bà L cung cấp cho Toà án để làm căn cứ khởi kiện. Theo yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn, Toà án đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật.

Nội dung: Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định Thực hiện giám định: Chữ ký “T”; “Nguyễn Thị T” tại “Biên bản lấy lời khai của đương sự” – (Mẫu M1); “Biên bản giao nhận chứng cứ” – (Mẫu M2); chữ “Nguyễn Thị T” tại mục người vay trong quyển sổ nợ của bà Nguyễn Thị L - (Mẫu M3.1); chữ “T Hạ” tại mục người vay; Chữ “T”; “Nguyễn Thị T” tại mục người mượn - trong quyển sổ nợ của bà Nguyễn Thị L – (Mẫu M3.2) ; 5 chữ “T Hạ” ; chữ “Hạ” tại dòng 26 trong quyển sổ nợ của bà Nguyễn Thị L - (Mẫu M3.3) và chữ viết trong “Đơn đề nghị” có dấu Công văn đến của TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định và chữ trên phong bì thư - M4; M5 có phải do một người viết ra hay không?

Kết luận giám định số 1063/KL-KTHS ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Chữ “Nguyễn Thị T” tại dòng 26 trang 12, chữ “T Hạ” tại dòng 5 trang 14, tại dòng 5,10,15,19,24 trang 15; chữ “T” tại dòng 14, “Nguyễn Thị T” tại dòng 15 trang 14; chữ “Hạ” tại dòng 26 trang 15 (tại bản gốc giấy vay nợ bà L cung cấp) đối với chữ viết tại mục người khai, người nhận tài liệu chứng cứ, chữ viết trên 02 đơn đề nghị đều do cùng 01 người viết ra.

HĐXX xét thấy, việc vay nợ giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L là có thật. Chữ ký, chữ viết tại các giấy biên nhận mà bà L cung cấp cho Toà án đúng là chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị T. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với nội dung tại 02 đơn đề nghị mà bà Nguyễn Thị T gửi Toà án có nội dung “*Bà L đưa rất nhiều người đàn ông xuống đe dọa bà, bắt bà phải nhận số tiền nợ 40 triệu và việc bà L cướp giật tiền của bà*” nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho sự việc trên nên HĐXX không xem xét.

[2.2] Đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn:

Theo bà T trình bày: Khi vay tiền, bà L tính lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tại giấy biên nhận ngày ngày 29/06/2012 thể hiện nội dung tính lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Bà L đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả mức lãi suất là 10%/năm. Vì vậy, HĐXX nhận định đây là hợp đồng cho vay tài sản có tranh chấp với nhau về lãi suất.

Căn cứ vào điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đây là hợp đồng có tranh chấp với nhau về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tức là 10%/năm. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu lãi suất là 10%/năm của bà Nguyễn Thị L. Việc bà L tự nguyện tính tiền lãi từ thời điểm tháng 7 năm 2012 đến ngày xét xử là 121 tháng 15 ngày được HĐXX chấp nhận.

Do đó số tiền lãi bà T phải trả cho bà L là:

$40.170.000 \text{ đồng} \times (10\% : 12) \times 121,5 \text{ (tháng)} = 40.672.000 \text{ đồng (đã làm tròn)}.$

Tổng số tiền gốc và tiền lãi bà T còn phải trả cho bà L là: $40.170.000 + 40.672.000 = 80.842.000 \text{ đồng}$

[3]. Án phí dân sự: Bà T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 40.170.000đ, tiền lãi là 40.672.000đ và 3.060.000đ chi phí giám định mà bà L đã nộp. Tổng số tiền bà T phải trả cho bà L là 83.902.000đ (*Tám mươi ba triệu, chín trăm linh hai nghìn đồng*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 4.195.000đ.

Bà Nguyễn Thị L đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét.

3. Quyền kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trữc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trữc Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà